phẩm tăng thêm hoặc trong lợi nhuận thu được do rút ngắn thời hạn xây dựng đem lại. Điều kiện xét thưởng và mức tiền thưởng đối với các công trình thuộc vốn ngân sách do cấp xét duyệt luận chứng kinh tế kỹ thuật quyết định. Đối với các công trình thuộc nguồn vốn khác do người chủ sở hữu vốn quyết định.

2. Đối với các công trình văn hóa, xã hội nếu chủ đầu tư đáp ứng được nguồn tiền thưởng một cách hợp pháp ở mức nào thì thỏa thuận, thống nhất trước với các tổ chức nhận thầu xây dựng về các chỉ tiêu xét thưởng, mức thưởng được ghi cụ thể trong hợp đồng kinh tế.

Điều 47. — Thưởng, phạt đối với cá nhân.

Đối với những cá nhân thuộc các tổ chức kinh tế, xây lắp cung ứng thiết bị vật tư, vật liệu xây dựng, vận tải, cơ quan chủ đầu tư và các cơ quan quản lý có liên quan, nếu làm tốt thì được khen thưởng, nếu vì thiếu trách nhiệm gây ra những sai phạm thì sẽ tùy theo lỗi nặng, nhẹ và mức thiệt hại để xử phạt. Các hình thức khen thưởng và xử phạt như sau:

1. Khen thưởng: Thưởng tiền hay hiện vật, nâng bậc lương, đề bạt.

2. Xử phạt: Thi hành kỷ luật hành chính, hạ bậc lương, bắt bồi thường vật chất, truy tố trước pháp luật.

Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 48. — Bản Điều lệ này thay cho bản Điều lệ quản lý xây dựng cơ bản đã ban hành kèm theo Nghị định 232-CP ngày 6 tháng 6 năm 1981 của Hội đồng Chính phủ và Quyết định số 80-HĐBT ngày 9 tháng 5 năm 1988 của Hội đồng Bộ trưởng. Những quy định khác trái với Điều lệ này đều bãi bỏ.

Điều 49. — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm các Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố và đặc khu trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện đầy đủ bản Điều lệ này.

Đồng chí Bộ trưởng Bộ Xây dựng cùng các Thủ trưởng các Bộ, các ngành có liên quan nghiên cứu trình Hội đồng Bộ trưởng ban hành các văn bản tiếp theo bản Điều lệ này và chịu trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi kiểm tra việc thi hành.

Điều 50. — Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày ban hành và áp dụng thống nhất đối với mọi thành phần kinh tế trong cả nước.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
Chủ tịch
ĐỖ MƯỜI

NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 418 — HĐBT ngày 7-12-1990 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Giáo dục và đào tạo.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4-7-1981;

Căn cứ Quyết định số 244 — NQ/HĐNN8 ngày 31-3-1990 của Hội đồng Nhà nước về việc thành lập Bộ Giáo dục

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

và đào tạo trên cơ sở Bộ Giáo dục — Bộ Đại học — Trung học chuyên nghiệp và Dạy nghề;

Căn cứ Nghị định số 196 — HĐBT ngày 11-12-1989 của Hội đồng Bộ trưởng quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm quản lý Nhà nước của các Bộ;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Bộ Giáo dục và đào tạo là cơ quan của Hội đồng Bộ trưởng có chức năng:

— Quản lý Nhà nước toàn bộ hệ thống giáo dục quốc dân, bao gồm các ngành học: giáo dục mầm non; giáo dục phổ thông; giáo dục trung học chuyên nghiệp, dạy nghề; giáo dục đại học và sau đại học đáp ứng yêu cầu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ tổ quốc.

— Trực tiếp chỉ đạo một số hoạt động sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

Điều 2. — Bộ Giáo dục và đào tạo có trách nhiệm và quyền hạn:

1. Nghiên cứu xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển về giáo dục và đào tạo; hướng dẫn các ngành, các địa phương xây dựng mục tiêu và các cân đối lớn của kế hoạch giáo dục và đào tạo.

2. Trình Hội đồng Bộ trưởng, Hội đồng Nhà nước và Quốc hội ban hành các dự án Luật và văn bản dưới luật có liên quan đến sự nghiệp giáo dục và đào tạo.

3. Ban hành theo thẩm quyền của Bộ các văn bản:

Danh mục và mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo (trừ bậc đại học và sau đại học do Hội đồng Bộ trưởng quyết định).

— Quy chế tổ chức và hoạt động của các trường học, các cơ sở giáo dục và đào tạo.

— Quy định về loại hình, mục tiêu, chương trình, nội dung và phương pháp giáo dục và đào tạo. Duyệt và cho phép phát hành các sách giáo khoa và các ấn phẩm phục vụ giáo dục — đào tạo.

— Quy định về tuyển sinh, quản lý học sinh của các cơ sở đào tạo trong nước và các học sinh Việt Nam được gửi đào tạo ở nước ngoài.

— Quy định các tiêu chuẩn đánh giá kết quả về giáo dục và đào tạo quy định thể lệ cấp phát và thu hồi các văn bằng, chứng chỉ về trình độ giáo dục và đào tạo; trực tiếp cấp và thu hồi bằng và chứng nhận trình độ trên đại học.

— Quy định tiêu chuẩn, định mức về trang bị, sử dụng, bảo quản cơ sở vật chất và thiết bị của các cơ sở giáo dục và đào tạo. Nghiên cứu các thiết kế mẫu các trường, lớp và đồ dùng dạy học.

4. Tổ chức nghiên cứu về khoa học giáo dục và đào tạo; chỉ đạo các đơn vị cơ sở thuộc ngành nghiên cứu ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật.

5. Trình Hội đồng Bộ trưởng quyết định hệ thống tổ chức và quy chế về cán bộ của ngành, về hệ thống chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ đối với viên chức thuộc ngành; xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ giáo viên các cấp.

6. Xây dựng kế hoạch và chỉ đạo thực hiện kế hoạch hợp tác quốc tế về giáo dục và đào tạo theo quy định của Hội đồng Bộ trưởng.

7. Tổ chức kiểm tra, thanh tra các hoạt động giáo dục và đào tạo ở tất cả các địa phương, các ngành, các cấp theo quy định của Nhà nước.

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

Điều 3. — Bộ máy giúp Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo thực hiện chức năng quản lý Nhà nước của Bộ gồm có:

1. Văn phòng.
2. Vụ kế hoạch và tài vụ.
3. Vụ tổ chức và cán bộ.
4. Vụ hợp tác quốc tế.
5. Vụ Khoa học kỹ thuật.
6. Thanh tra Bộ.
7. Vụ Giáo dục mầm non.
8. Vụ Giáo dục phổ thông.
9. Vụ Trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.
10. Vụ Đại học.
11. Vụ Sau đại học.
12. Vụ giáo viên.
13. Vụ Công tác chính trị và học sinh.
14. Vụ Tại chức và giáo dục bổ túc.
15. Vụ Giáo dục rèn luyện thể chất.

— Nhiệm vụ cụ thể, tổ chức bộ máy và lề lối làm việc của các đơn vị và tổ chức thuộc Bộ do Bộ trưởng quy định.

— Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo xây dựng đề án sắp xếp lại các tổ chức sự nghiệp nghiên cứu và các đơn vị sản xuất, kinh doanh trình Hội đồng Bộ trưởng xét duyệt.

Điều 4. — Nghị định này có hiệu lực từ ngày ban hành. Bãi bỏ những quy định trước đây trái với Nghị định này.

Điều 5. — Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo, các Thủ trưởng ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố, đặc khu trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

QUYẾT ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 421-HĐBT ngày 10-12-1990 điều chỉnh các mức bằng tiền về thuế môn bài.

HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ điều 9 Pháp lệnh ngày 3 tháng 3 năm 1989 của Hội đồng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1 — Điều chỉnh các mức bằng tiền trong Biểu thuế môn bài tại điều 13 Nghị định số 53-HĐBT ngày 27-5-1989 « Quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh ngày 3 tháng 3 năm 1989 sửa đổi, bổ sung một số điều trong các Pháp lệnh, Điều lệ về thuế công thương nghiệp và thuế hàng hóa » như Bản quy định kèm theo Quyết định này.

Điều 2 — Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 1991. Các quy định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng
K.T. Chủ tịch
Phó Chủ tịch
VÕ VĂN KIỆT

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com 09653235